**Nguyễn Thị Minh Thái**

Thế Lữ - 100 năm khối vuông Rubic

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Thế Lữ - 100 năm khối vuông Rubic](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Nguyễn Thị Minh Thái**

Thế Lữ - 100 năm khối vuông Rubic

      Nếu còn sống, năm nay, Thế Lữ tròn trăm tuổi. Năm 2007 kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông (6.10.1907) trùng kỉ niệm 50 năm tuổi của Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam (1957). Sống động như một khối vuông rubic, Thế Lữ là một tài năng muôn mặt: Thế Lữ - nhà báo, nhà phê bình văn chương, nghệ thuật, Thế Lữ -thi sĩ, Thế Lữ - nhà văn của truyện trinh thám kinh dị, lãng mạn đường rừng… Và,cuối cùng, tất cả quy tụ vào phương diện chói sáng nhất: Thế Lữ của sân khấu.

**1. Khởi từ hoa-hồng-ngây-thơ-xứ-Lạng…**
Cha của Thế Lữ nguyên là sếp ga xe lửa tuyến đường sắt Lạng Sơn - Thanh Hóa. Sinh con năm 1907, cha đặt tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ. Hoài Thanh nhận xét hóm hỉnh trong Thi nhân Việt Nam: “Nơi sinh: Thế Lữ lấy làm lạ thấy người nhà nói là Thái Hà ấp, Hà Nội, còn Thế Lữ cứ tưởng là Lạng Sơn, nơi đã ở từ năm còn bé đến năm 11 tuổi”.
Mới vài ba tháng tuổi, Thế Lữ - kết quả cuộc tình lãng mạn của chàng kí ga, quê gốc Kinh Bắc, với cô gái ngoan đạo (Thiên Chúa giáo) nhà lành người Hải Phòng, quê gốc Nam Định - đã bị dứt khỏi vú mẹ, bế lên Lạng Sơn ở với bà nội, cha đẻ, và u (vợ chính thức của cha). Sau này, vào tuổi thất thập, ông vẫn buồn sầu nhớ lại: chủ đề chính thời bé dại của ông, từ lúc ẵm ngửa đến năm 10 tuổi là xa cách, nhớ thương dằng dặc người mẹ đẻ, một mình ở Hải Phòng, còn mình thì bé bỏng, ở mãi Lạng Sơn. Suốt thời thơ ấu trôi qua ở xứ Lạng, nơi non nước cây rừng / nước non thanh sạch cách chừng phồn hoa (thơ Thế Lữ), Thế Lữ sống hoang dại, sinh năm Đinh Mùi, cầm tinh con Dê, bà nội gọi là “con Dê núi”. Cả nhà gọi tên cúng cơm là “cậu Gầy”, bởi người cậu gầy nhẳng chỉ xương là xương. Bố Gầy làm sếp ga, theo tàu quanh năm suốt tháng, chả mấy lúc ở nhà. Về nhà, bố hay đánh Gầy vì tội rong chơi lêu lổng. Gầy sợ bố, quan hệ cha con thưa thớt, sượng sùng. Nhưng bố Gầy giỏi chữ Tây, chữ Tàu, dạy Gầy học chữ từ bé. Gần gũi cậu Gầy nhất trong tuổi ấu thơ hóa ra là bà nội, nhưng bà cay nghiệt với u, không bằng lòng thấy Gầy thương u.
Người Gầy thương nhớ nhất vẫn là mẹ đẻ, mỗi năm được lên thăm Gầy đôi ba bữa. Mỗi lần dứt áo biệt Gầy về Phòng (Hải Phòng), mẹ con đều chứa chan nước mắt. Mẹ lên tàu, tàu lăn bánh, Gầy nhớ mẹ quặn thắt cả lòng, chỉ biết phục xuống đường tàu, vuốt ve sắt lạnh, dõi theo tàu chở mẹ tuốt luốt xuống Hải Phòng, xa biền biệt…
Giời xui đất khiến, tâm hồn đa cảm của Gầy từ bé dại đã biết yêu hoa. Một sớm xuân thức dậy, mới tí tuổi đầu, cậu Gầy đã tê điếng hồn vía khi ngó thấy một nụ hồng nhung xứ Lạng đang nhè nhẹ cựa mình mở cánh. Cảm giác rợn ngợp mê cuồng trước cái đẹp xâm chiếm lập tức trái tim thơ dại của Gầy, và mãi mãi ở lại trái tim nghệ sĩ của Thế Lữ suốt cả một đời. Cho đến khi thành ông già đau yếu, sống nốt phần đời cuối ở TP Hồ Chí Minh, (ông mất năm 1989), trong trí nhớ không tàn phai của Thế Lữ, vẫn còn nguyên tươi niềm ngạc nhiên khờ dại với nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay của những-ngày-hoa-hồng-ngây-thơ-xứ-Lạng… Và xứ Lạng thành thế giới đầu tiên về cái Đẹp của Thế Lữ, với những ấn tượng đầu đời: vừa lãng mạn hoang vu, vừa ngất ngây sợ hãi…

**2. Hành trình săn đuổi cái Đẹp**
Rốt cuộc, cái thế giới tràn ngập ấn tượng nguyên sơ ấy đã ám ảnh chủ thể sáng tạo Thế Lữ, kiến tạo trong tâm hồn ông cảm giác rợn ngợp luôn luôn trước những vẻ đẹp thoáng qua (tên một bài thơ của ông). Chỉ thoáng thấy bóng một vẻ đẹp lướt qua, có thể chưa kịp chạm tay, chưa kịp cầm giữ bằng bất cứ phương tiện nghệ thuật nào, ông cũng đã rùng mình ớn lạnh. Về sau, rành tiếng Pháp, Thế Lữ luôn tưởng ra cái bóng bông hồng xứ Lạng hắt vào “bóng chữ” của Nhã Ca Salomon mà ông thuộc nằm lòng: Anh ơi, hãy trỗi dậy đi / Em sẽ đưa anh vào lòng em / vào nhà em/ Vào nơi mẹ đã sinh ra em / Chúng ta sẽ thăm vườn nho trổ hoa và xem thạch lựu nảy chồi / Ở đó em sẽ âu yếm anh / Quả măngdragora tỏa hương thơm ngát / Quả héo quả tươi em giữ cả cho anh…
Ngoan đạo, đắm đuối mê man tìm cái Đẹp trong Kinh Thánh, song Thế Lữ lại thấy bông hồng xứ Lạng hắt bóng không phải trên Vườn Địa đàng xa ngái, mà ở ngay cõi trần, trong vẻ đẹp ngồn ngộn da thịt của Vườn-trần-gian. Ông thường đọc cho con trai Nguyễn Đình Nghi đoạn Kinh Thánh: “Chúa Jesus bảo môn đồ: Dù vua Salomon ăn vận quá ư quý phái, sang trọng, nhưng vẫn không mặc đẹp bằng bông huệ trắng tươi ngoài đồng.”
Từ ấy, Thế Lữ phải lòng cái đẹp hồng trần. Ông thú nhận hân hoan trong “Cây đàn muôn điệu”: Tôi chỉ là một khách tình si /Ham vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ / Mượn cây bút nàng Ly Tao tôi vẽ / Mượn cây đàn ngàn phím tôi ca. Và ông lãng du không mỏi trên đường truy tìm cái đẹp. Tuổi hoa niên, từ Lạng Sơn về Phòng ở với mẹ chẳng được lâu, lại biệt mẹ già, tuổi xuân dấn thân lên chốn Hà thành, Thế Lữ chính thức bước vào nghiệp văn chương. Hình ảnh thanh xuân của Thế Lữ là kẻ lang bạt kì hồ, “mũ lợt bốnphương trời sương nắng gội”, “tóc lộng tơi bời gió bốn phương”. Cái phút giây hoan lạc nhất, theo ông, là trên đường thiên lí: Rũ áo phong sương trên gác trọ / Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang”.
Trong tín ngưỡng riêng về cái Đẹp, Thế Lữ không chấp nhận trạng thái nửa vời, nửa mùa. Ông nghiêng lệch hẳn về duy mĩ, duy cảm. Rất tự nhiên, đó là những lý do thẩm mĩ xui khiến ông thoạt đầu chọn thơ trữ tình, làm nơi thờ phụng thiêng liêng cái Đẹp, và khởi hành chặng đường săn đuổi cái Đẹp. Ông coi văn hóa phương Tây là phương tiện hữu hiệu, để biện hộ cho mục đích mà ông hằng theo đuổi suốt đời: sáng tạo theo tín niệm riêng về cái Đẹp trong thế giới tác phẩm riêng của mình.
Và không ngẫu nhiên, Thế Lữ thành thi sĩ tiền phong của Thơ Mới ngay từ những năm 30 của thế kỉ XX.
Theo Hoài Thanh trong Thi nhân Việt Nam:
“Độ ấy Thơ Mới vừa ra đời, Thế Lữ như vừng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dầu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công của Thế Lữ đã dựng thành nền Thơ Mới ở xứ này. Thế Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ. Bởi không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay. Mà thơ Thế Lữ về thế cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần, cho đến tiết tấu âm thanh.
… Thế Lữ đã làm rạn vỡ những khuôn khổ ngàn năm không di dịch. Chữ dùng lại rất táo bạo. Đọc đôi bài, nhất là bài ‘Nhớ rừng’, ta tưởng chừng những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường.”
Tưởng không còn lời nào huy hoàng, đích đáng hơn Hoài Thanh, khi viết về sức mạnh riêng của con chữ thơ Thế Lữ, với vai trò thi sĩ tiền phong của Thơ Mới.
Thi đàn Thơ Mới những năm đầu thế kỉ XX, giữa các khuôn mặt thi sĩ tài năng: Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Anh Thơ, Vũ Đình Liên, Tế Hanh… Thế Lữ là một thi nhân đặc sắc. Cùng với Mấy vần thơ, Thế Lữ là thi sĩ đầu tiên khơi thông dòng chảy thơ tươi trẻ, bồng bột, nhuốm đậm hương lãng mạn. Thế giới thơ Thế Lữ đi về giữa cõi tiên và cõi trần, ở cõi tiên nhớ cõi trần, ở cõi trần mơ cõi tiên…
Khai sáng Thơ Mới, mở cho mình một “cõi thơ” riêng độc đáo, thành người thứ sáu trong văn phái Tự lực Văn đoàn, sau anh em dòng họ Nguyễn Tường: Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), và Trần Khánh Giư (Khái Hưng), nhà thơ trào phúng Tú Mỡ, nhưng Thế Lữ không dừng ở đó. Ông tiếp tục chiêm nghiệm cái Đẹp ở một góc khác.
Và những ấn tượng ấu thơ xứ Lạng hoa hồng của ông lại được phát sáng trong một thể loại văn xuôi, mà rốt ráo, ông lại vẫn là người mở đường: “tiểu thuyết trinh thám Annam” đầy bí hiểm, li kì, hồi hộp: Vàng và máu (1934), Bên đường Thiên Lôi (1936), Gói thuốc lá (1940), Gió trăng ngàn (1941), Trại Bồ Tùng Linh (1941). Thêm nữa, Thế Lữ còn là tác giả những truyện ngắn “lãng mạn đường rừng”, như thể ông đã hái lượm vô tình trên các nẻo đường lang bạt: “Một đêm trăng”, “Vì tình”, “Câu chuyện trên tàu thủy”, “Mau trí khôn”, “Một người say rượu”, “Câu chuyện đường rừng”…
Khi hành nghề phóng viên, được báo Phong Hóa giao việc “gác gôn” chuyên mục Thơ, và đề xuất Giải thưởng Tự lực Văn đoàn hàng năm, chính con mắt xanh tinh đời của Thế Lữ đã phát hiện Xuân Diệu, ngay trong buổi đầu bỡ ngỡ với Thơ Mới, sẽ là kẻ lên ngôi ông hoàng thơ tình Việt Nam hiện đại thế kỉ XX. Lúc ấy, chàng thi sĩ tóc quăn này mới chớm tuổi đôi mươi và chưa hề biết mình sẽ đăng quang. Thế Lữ hoan hỉ tuyên bố: Từ nay, chúng ta đã có Xuân Diệu. Và Xuân Diệu chính là vẻ đẹp của người trần, trong thế giới người đời mà ông phát hiện. Năm 1938, trong bài tựa tập Thơ thơ, Thế Lữ gọi Xuân Diệu là một ngườicủa đời và âu yếm viết về Xuân Diệu: “tóc như mây vướng trên đài trán ngây thơ, mắt như lưu luyến mọi người và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái”…

**3. Cha và con và thánh đường sân khấu**
Song, có lẽ vì qúa yêu cái Đẹp và yêu mê sự không ngừng phát hiện vẻ đẹp mới lạ trong Vườn- trần-gian, mà Thế Lữ đủ nhẹ lòng để giã từ thơ, khi thấy Thơ Mới đã ngõ cụt đường cùng, tiểu thuyết trinh thám, lãng mạn đường rừng đã nhàm nhạt cũ phai và các bài báo cũng trở nên bức bối chật hẹp so với chí tang bồng văn nghệ của ông.
Buông bỏ hết sau lưng, Thế Lữ đến với kịch, cõi nghệ thuật hữu hình (so với văn chương), lại rất mới lạ, đầy hương sắc Tây phương, chưa in dấu chân người khai phá. Lại vận vào người cái si mê của kẻ mở đường, Thế Lữ một lần nữa động lòng chinh phục, khẩn hoang cõi bờ mới mẻ mênh mang của cái Đẹp. Vào đúng lúc, xuất hiện thể loại kịch, vừa đủ lạ lùng để ông khai phá, vừa đủ rộng rinh cho Thế Lữ thâu góp tinh túy của các thể loại văn chương mà ông từng trải, để đổ vào kịch những sáng tạo đầy tràn…
Rốt cuộc, Thế Lữ đã làm kịch với con mắt và tấm lòng của nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà mĩ thuật… Những ban kịch do ông gây dựng đã có tiếng vang: Ban kịch Tinh Hoa, Thế Lữ, Anh Vũ. Thế Lữ tự học mà thành “nhà dàn cảnh” (ông khiêm tốn, không tự nhận mình là đạo diễn). Những hoạt động dàn cảnh và diễn kịch của Thế Lữ lừng lẫy tiếng tăm trên sân khấu Hà Nội, Hải Phòng những năm 30 - 40. Vào thời điểm ấy, đúng là Thế Lữ có công “Việt Nam hóa” kịch nói, một thể loại rặt Tây phương mà người Pháp đô hộ không hề có ý định mang tặng cho sân khấu Việt Nam. Ông cũng là người có công đầu đặt nền móng cho một thánh đường sân khấu mang vẻ đẹp riêng biệt Việt Nam.
Hơn thế nữa, Thế Lữ có công đặc biệt: con trai trưởng của ông, Nghệ sĩ Nhân dân, đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, là một sản phẩm nghệ thuật mà Thế Lữ tạo tác trong cuộc hạnh ngộ với cái Đẹp của sân khấu. Sâu xa hơn nữa, đó là cuộc hạnh ngộ những tinh túy của hai nền văn hóa Việt Nam và Pháp.
Năm 1982, lần đầu đặt chân đến Paris, Nguyễn Đình Nghi đã thấy thân mật như đi giữa lòng ngõ phố Hà Nội. Ông thấy Nhà thờ Đức Bà sao vừa nhỏ nhoi vừa như to lớn hơn so với những mô tả của V. Hugo. Và ông hơi áy náy thấy mình dửng dưng trước vẻ kì vĩ của tháp Eiffel, song lại rưng rưng hoài cảm, khi rảo bước trên đường phố Paris, được sống lại những giờ phút say mê đọc sách tiếng Pháp ngày xưa, dưới ảnh hưởng rất lớn của văn chương và sân khấu Pháp từ người cha – Thế Lữ.
Nguyễn Đình Nghi từng thú nhận: Thế Lữ-cha đã di truyền cho ông một tín niệm về nghề đạo diễn rất giản dị và hệ trọng: Thể loại kịchViệt Nam hiện đại phải biết kể chuyện một cách Việt Nam. Và cách kể chuyện Việt Nam phải biết tiếp nhận, tích hợp sân khấu cổ truyền Việt Nam, bằng cách kể chuyện theo nguyên tắc mĩ học: tả ý, tả thần.
Nguyễn Đình Nghi biết ơn cha, biết ơn sân khấu cổ truyền đã như kho của vô tận cho nghề đạo diễn của sân khấu Việt hiện đại. Rút từ sân khấu truyền thống phương pháp miêu tả giàu sức biểu hiện cho thể loại kịch, vốn là thể loại tả thực, là nguyên tắc ứng xử quan trọng nhất của Nguyễn Đình Nghi với nghề đạo diễn. Đỉnh cao nhất trong nghề đạo diễn của ông là hai vở cuối đời: Hồn Trương Ba da hàng thịt và Rừng trúc, đã đạt tới số phận văn hóa. Hồn Trương Ba da hàng thịt đoạt giải nhất Liên hoan Sân khấu Kịch Quốc tế tại Moskva 1990, từng lưu diễn cho sinh viên hơn 20 trường đại học Mỹ năm 1998. Biết kể chuyện trên sân khấu theo cách Việt Nam, nghĩa là biết “Việt Nam hóa” cách kể chuyện của thể loại kịch phương Tây bằng ngôn ngữ ước lệ của sân khấu truyền thống Việt Nam.
Nguyễn Đình Nghi suốt đời nghiệm sinh cách kể chuyện ấy. Và suốt đời ông nguyện dàn dựng kịch theo cách ấy, một lòng vâng theo lời cha Thế Lữ dạy khi nhắm mắt, xuôi tay, đã trích lời Jouvet mà căn dặn rằng: Sân khấu giống như Chúa Ba ngôi: Nhà viết kịch là Đức Chúa Cha, diễn viên là Đức Chúa Con và khán giả là Đức Chúa Thánh thần… Bởi vậy, Nguyễn Đình Nghi hài lòng về nhận xét của đạo diễn Pháp V. Colin, trên báo Sân khấu (Pháp) số tháng 11,12/1992: “Vẫn luôn luôn là sự tồn tại bền chặt của một ảnh hưởng văn hóa Thiên Chúa giáo xa xôi, cộng với tư tưởng Khổng giáo và đào tạo mác-xít, đã hình thành một Nguyễn Đình Nghi, người sân khấu đầy cảm hứng mà ta rất vui sướng được gặp gỡ”…
© 2007 talawas

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Talawas
Được bạn: Thanh Vân đưa lên
vào ngày: 15 tháng 12 năm 2009